

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-ST

Ngày: 14-8-2019

V/v tranh chấp dân sự về
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Diệu Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lịch – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2017, về tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Liêu Thị Mỹ T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số nhà 43/8, đường T, Khóm M, Phường N, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị T: Bà Lê Thị Vân L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số nhà 27/9, ấp P, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/6/2017).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T (A), sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Chị Trịnh Kim T, sinh năm 1974 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 150/7A, Khóm N, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Vân L, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/6/2015 chị Liêu Thị Mỹ T có cho anh Nguyễn Văn T tên thường gọi là “A” vay số tiền 80.000.000 đồng, về lãi suất có thỏa thuận nhưng không xác định là bao nhiêu, về thời hạn vay không có thỏa thuận, khi nào chị T cần lấy lại vốn thì báo trước cho anh T 01 tháng. Khi vay, anh T có ghi biên nhận giao cho chị T giữ. Từ khi vay, anh T không đóng lãi cũng chưa trả vốn cho chị T. Ngoài ra, chị T còn cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng, không có biên nhận, không nhớ rõ thời gian, đến nay anh T chưa trả. Tổng cộng số tiền vốn chị T cho anh T vay là 90.000.000 đồng. Sau đó chị T có đòi nhưng anh T hẹn mà không trả rồi bỏ đi làm ăn nơi khác. Chị T cũng có trình báo cơ quan công an nhưng được trả lời là quan hệ dân sự nên chị T khởi kiện ở Tòa án.

Nay, bà Lê Thị Vân L đại diện chị T yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Kim T là vợ anh T liên đới trả số tiền vốn là 80.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/6/2015 đến ngày 27/6/2019 với lãi suất 0,83%/tháng.

Tại phiên tòa bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 10.000.000 đồng do không có biên nhận, khi nào anh T trở về sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T mặc dù Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T, nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến và không đến tham dự phiên tòa.

Bị đơn chị Trịnh Kim T trình bày:

Chị T là vợ anh T, vợ chồng chị chung sống có đăng ký kết hôn ngày 12/5/1997 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại địa chỉ số 150/7A, Khóm N, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, từ khoảng đầu năm 2015 đến nay, do mâu thuẫn vợ chồng nên anh T bỏ địa phương đi, không rõ đi đâu, không liên lạc với chị T.

Việc anh T có vay tiền của chị T hay không chị T không biết, chị cũng không biết chị T là ai. Chị T không có ký tên vay tiền của chị T. Do đó, chị T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T, không đồng ý liên đới cùng anh T trả nợ cho chị T.

Chị T thừa nhận trước đây chị T có đồng ý trả số tiền 200.000 đồng mỗi tháng cho chị T cho đến khi hết nợ là do khi đó anh T đã bỏ đi nên chị T liên tục đến tìm chị T để đòi nợ, mặc dù chị T không biết chị T nhưng để cho qua chuyện chị T mới đồng ý trả dần cho chị T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

(BLTTDS). Riêng bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Văn T trả cho chị Liêu Thị Mỹ T số tiền vay 80.000.000 đồng và lãi như nguyên đơn yêu cầu. Bác yêu cầu buộc chị Trịnh Kim T liên đới trả nợ do nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh. Đề nghị đình chỉ xét xử đối với số tiền 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do. Bà Lê Thị Vân L và chị Trịnh Kim T đồng ý và yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn (anh T). Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền vay 80.000.000 đồng có làm biên nhận HĐXX thấy rằng: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đủ địa chỉ của bị đơn như thể hiện trong biên nhận nợ ngày 27/6/2015. Như vậy, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc ghi địa chỉ của người bị kiện. Do đó, việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký tên và viết họ tên Nguyễn Văn A trong giấy mượn tiền ngày 27/6/2015. Qua hai kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp đều đã kết luận chữ ký tên và chữ viết họ tên Nguyễn Văn A ghi trong giấy mượn tiền ngày 27/6/2015 so với các mẫu so sánh là do cùng một người viết ra. Như vậy, có căn cứ xác định chị Liêu Thị Mỹ T có cho anh Nguyễn Văn T vay số tiền 80.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Do đó, căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 27/6/2015 giữa anh Nguyễn Văn T và chị Liêu Thị Mỹ T đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của pháp luật: anh T phải có nghĩa vụ trả số tiền vay và lãi cho chị T theo pháp luật quy định. Do vậy, việc chị T khởi kiện yêu cầu anh T trả 80.000.000 đồng tiền vốn vay là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Qua đó, xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn HĐXX xét thấy hợp đồng vay 80.000.000 đồng giữa hai bên có thỏa thuận lãi nhưng không xác định lãi suất cụ thể. Tại phiên tòa phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 27/6/2015 đến ngày 27/6/2019 là 48 tháng x 80.000.000 đồng x 0.83%/tháng = 31.872.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Đối với việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, được bị đơn đồng ý nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu này.

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu chị T liên đới trả nợ, HĐXX thấy rằng: chị T trong quá trình tham gia tố tụng không đồng ý cùng anh T liên đới trả nợ cho chị T bởi vì chị T không biết việc anh T vay tiền của chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn cũng không có chứng cứ để chứng minh về việc chị T có vay hay sử dụng số tiền vay 80.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu buộc chị T liên đới với anh T (A) trả nợ.

Về việc xác định họ tên Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn A là cùng một người: Theo xác nhận của Công an Phường 3, thành phố Sa Đéc thì anh Nguyễn Văn T có tên thường gọi là A, sự việc này qua Tòa án xác minh cũng được người thân bên gia đình anh T xác nhận. Tại phiên tòa chị T cũng thừa nhận từ khi vợ chồng cưới nhau trong sinh hoạt hàng ngày chị T đều gọi anh T là anh A. Như vậy, đây là tình tiết sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của BLTTDS. Trên cơ sở đó, HĐXX khẳng định anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn A là cùng một người.

Để làm căn cứ giải quyết vụ kiện, nguyên đơn đã thông báo, nhắn tin về nội dung khởi kiện trên Báo Nhân dân 3 số liên tiếp và phát sóng trên Đài Tiếng nói Việt Nam 3 lần trong ba ngày liên tiếp, nhưng đến hết thời gian 4 tháng thông báo mà anh T cũng không có tin tức gì. Do đó, căn cứ vào quy định của pháp luật Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Văn T trả cho chị Liêu Thị Mỹ T số tiền vốn 80.000.000 đồng và tiền lãi 31.872.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 111.872.000 đồng. Bác yêu cầu buộc chị T liên đới trả nợ, đình chỉ xét xử yêu cầu đối với số tiền 10.000.000 đồng.

[4] Qua đó, Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do yêu cầu của chị Liêu Thị Mỹ T được chấp nhận một phần nên anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí DSST có giá ngạch và toàn bộ chi phí giám định theo quy định pháp luật.

Chị Liêu Thị Mỹ T phải chịu án phí DSST không có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận và chịu toàn bộ chi phí đăng báo, nhấn tin theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Liêu Thị Mỹ T (ủy quyền cho bà Lê Thị Vân L).

Buộc anh Nguyễn Văn T trả cho chị Liêu Thị Mỹ T số tiền vốn vay 80.000.000 đồng và tiền lãi 31.872.000 đồng, tổng cộng 111.872.000 đồng (Một trăm mười một triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chị Trịnh Kim T liên đới trả nợ.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T nộp 5.593.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Liêu Thị Mỹ T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 2.638.125 đồng theo biên lai số 13709 ngày 04/7/2017 và 421.875 đồng theo biên lai số 0009797 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sa Đéc. Sau khi khấu án phí, hoàn trả cho chị Liêu Thị Mỹ T được nhận lại 2.760.000đ tiền tạm ứng án phí.

Về chi phí giám định: số tiền 7.725.000 đồng do anh Nguyễn Văn T chịu. Do số tiền này chị Liêu Thị Mỹ T đã nộp tạm ứng và chi xong nên thu của anh T để trả lại cho nguyên đơn chị Liêu Thị Mỹ T.

Về chi phí thông báo, nhấn tin trên phương tiện thông tin đại chúng: số tiền 3.300.000 đồng do nguyên đơn chị Liêu Thị Mỹ T chịu (đã chi xong).

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày hôm nay tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục Thi hành án TP Sa Đéc;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Trí